

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA LUẬT

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Luật Biển quốc tế		
Mã học phần:	71LAWS40182	Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	242_71LAWS40182_01		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	60	phút
<i>Thí sinh chỉ được tham khảo tài liệu bằng giấy:</i>	☒ Có	☐ Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
 - + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1
 - + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (***nén lại và đặt mật khẩu file nén***) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Hiểu được đặc điểm, các nguyên tắc, cách xác định các vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền của quốc gia	Trắc nghiệm	35%	Câu 1 -> Câu 14	3.5	
CLO 2	Phân biệt ranh giới, quy chế pháp lý của các vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và các vùng biển thuộc lãnh thổ chung của cộng đồng	Trắc nghiệm	45%	Câu 15 -> Câu 32	4.5	
CLO 4	Vận dụng được các kiến thức của luật biển quốc	Tư luận	20%	Câu hỏi số 1,2 tự luận	2	

	tế để đưa vào thực tiễn đời sống quốc tế					

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (32 câu, 0.25 điểm/câu)

Anh/chị hãy chọn phương án đúng nhất trong những câu sau đây

Có 2 phương pháp chủ yếu để xác định đường cơ sở là:

- A. Đường cơ sở thông thường và đường cơ sở thẳng
- B. Đường cơ sở thông thường và đường cơ sở theo ngân nước thủy triều thấp nhất
- C. Đường cơ sở thẳng và đường cơ sở theo đoạn thẳng gãy khúc
- D. Đường cơ sở theo đường đẳng sâu 2500 mét

ANSWER: A

Ở vùng đặc quyền kinh tế Công ước 1982 về luật biển chỉ hạn chế quyền kinh tế của quốc gia ven biển trong trường hợp quốc gia ven biển phải chấp nhận để cho các nước không có biên hay bất lợi về địa lý được vào khai thác:

- A. Phần tài nguyên sinh vật dư thừa
- B. Phần tài nguyên không sinh vật dư thừa
- C. Phần tài nguyên sinh vật và không sinh vật dư thừa
- D. Thực vật biển dư thừa

ANSWER: A

Trong vùng đặc quyền kinh tế, những lĩnh vực dưới đây, lĩnh vực nào không thuộc quyền tài phán của quốc gia ven biển:

- A. Lắp đặt các tuyến dây cáp và ống dẫn ngầm
- B. Nghiên cứu khoa học về biển
- C. Bảo vệ và gìn giữ môi trường biển
- D. Lắp đặt và sử dụng các đảo nhân tạo, các thiết bị và công trình

ANSWER: A

Biên quốc tế là vùng biển:

- A. Nằm ngoài nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và vùng nước quần đảo của quốc gia quần đảo
- B. Nằm ngoài nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế của quốc gia ven biển
- C. Nằm ngoài nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải và vùng nước quần đảo của quốc gia quần đảo
- D. Nằm ngoài nội thủy, lãnh hải, thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế của quốc gia ven biển

ANSWER: A

Quyền miễn trừ tuyệt đối về tài phán của quốc gia ven biển

- A. Chỉ áp dụng cho tàu quân sự và tàu nhà nước phi thương mại nước ngoài
- B. Chỉ áp dụng cho tàu quân sự
- C. Áp dụng cho tàu nhà nước phi thương mại được nhà nước ủy quyền
- D. Tất cả các loại tàu thuyền

ANSWER: A

Một vịnh có chiều rộng cửa vịnh lớn hơn 24 hải lý thì:

- A. Không có chế độ pháp lý của nội thủy trừ khi vịnh này tồn tại một danh nghĩa lịch sử
- B. Có chế độ pháp lý của nội thủy
- C. Có chế độ pháp lý nội thủy khi quốc gia đó đưa ra tuyên bố rõ ràng
- D. Có chế độ pháp lý của nội thủy khi các nước hữu quan đạt được thỏa thuận

ANSWER: A

Đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải Việt Nam là:

- A. Đường cơ sở thẳng.
- B. Đường cơ sở thông thường.
- C. Đường cơ sở theo ngắn nước, thủy triều thấp nhất.
- D. Đường cơ sở quần đảo.

ANSWER: A

Một trong những trường hợp để xác định bờ biển phức tạp là:

- A. Khi bờ biển khúc khuỷu, bị khoét sâu và lồi lõm.
- B. Khi có hai hòn đảo nằm sát nhau và chạy dọc theo bờ biển.
- C. Khi có hai vùng lồi lõm sâu rõ rệt.
- D. Khi có hai vịnh lịch sử.

ANSWER: A

Các vùng biển nằm ngoài phạm vi chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia ven biển gồm:

- A. Biển quốc tế, đáy đại dương.
- B. Thềm lục địa, biển quốc tế.
- C. Vùng đặc quyền kinh tế, biển quốc tế.
- D. Vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa.

ANSWER: A

Một trong những nguyên tắc của luật biển quốc tế là:

- A. Nguyên tắc vùng và tài nguyên của vùng là di sản chung của nhân loại.
- B. Nguyên tắc hòa bình giải quyết các tranh chấp quốc tế.
- C. Nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử.
- D. Nguyên tắc các quốc gia có nghĩa vụ hợp tác với nhau.

ANSWER: A

Ranh giới phía ngoài của lãnh hải là đường

- A. Song song với đường cơ sở và cách đường cơ sở bằng chiều rộng của lãnh hải khi quốc gia không đối diện hoặc kề cận với quốc gia nào
- B. Nằm ngoài biên giới quốc gia trên biển
- C. Trung tuyến và cách đều
- D. Trung tuyến khi các quốc gia nằm kề cận nhau

ANSWER: A

Đối với những nước có thềm lục địa rộng thì ranh giới phía ngoài của thềm lục địa là đường.

- A. Song song với đường cơ sở và cách đường cơ sở một khoảng cách tối đa là 350 hải lý hoặc đường song song với đường đẳng sâu 2500 mét và cách đường đẳng sâu đó không quá 100 hải lý.
- B. Song song với đường cơ sở và cách đường cơ sở một khoảng cách tối đa là 350 hải lý.
- C. Song song với đường đẳng sâu 2500 mét và cách đường đẳng sâu đó không quá 100 hải lý.
- D. Chính là mép ngoài của rìa lục địa

ANSWER: A

Theo luật biển Việt Nam, khi tiến hành bắt, tạm giữ, tạm giam người có hành vi vi phạm pháp luật hoặc tạm giữ tàu thuyền nước ngoài, lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo ngay cho bộ nào sau đây

- A. Bộ ngoại giao
- B. Bộ tư pháp
- C. Bộ công an
- D. Bộ ngoại thương

ANSWER: A

Theo công ước luật biển 1982, phương tiện dùng để truy đuổi chiếc tàu nước ngoài vi phạm pháp luật của quốc gia ven biển là:

- A. Tàu chiến, phương tiện bay quân sự hoặc các tàu hay phương tiện có mang dấu hiệu bên ngoài của một cơ quan nhà nước được ủy nhiệm làm nhiệm vụ đó.
- B. Chỉ có tàu chiến (tàu quân sự)
- C. Chỉ có tàu cảnh sát
- D. Tàu chiến và phương tiện bay quân sự

ANSWER: A

“Các bãi cạn lúc nổi lúc chìm không được chọn làm các điểm cơ sở trừ trường hợp ở đó có đèn biển hoặc các thiết bị tương tự thường xuyên nổi lên khỏi mặt nước hoặc đường cơ sở đó đã được sự thừa nhận chung của quốc tế.” Đây là một trong những điều kiện để xác định:

- A. Đường cơ sở thẳng.
- B. Đường cơ sở quần đảo.
- C. Đường cơ sở theo ngắn nước thủy triều thấp nhất.
- D. Đường cơ sở thông thường.

ANSWER: A

“Tất cả các quốc gia đều có quyền lắp đặt các dây cáp và ống dẫn ngầm ở...”

- A. Thêm lục địa
- B. Vùng đặc quyền kinh tế
- C. Lãnh hải
- D. Vùng tiếp giáp lãnh hải

ANSWER: A

Tất cả các quốc gia, dù có biển hay không có biển, được hưởng các quyền tự do hàng hải, hàng không, tự do đặt dây cáp và ống dẫn ngầm ở vùng:

- A. Đặc quyền kinh tế và thêm lục địa
- B. Biển quốc tế và đặc quyền kinh tế
- C. Biển quốc tế và tiếp giáp lãnh hải
- D. Tiếp giáp lãnh hải và thêm lục địa

ANSWER: A

Vùng biển thuộc chủ quyền hoàn toàn và tuyệt đối của quốc gia là:

- A. Nội thủy.
- B. Nội thủy và lãnh hải.
- C. Nội thủy, lãnh hải và tiếp giáp lãnh hải.
- D. Nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế.

ANSWER: A

Nhiệm kỳ của thẩm phán toàn án quốc tế là:

- A. 9 năm và có thể tái đắc cử
- B. 7 năm và có thể tái đắc cử
- C. 5 năm và có thể tái đắc cử
- D. 4 năm và có thể tái đắc cử

ANSWER: A

“Tự do hàng hải” là một trong những nội dung của nguyên tắc:

- A. Tự do biên cả.
- B. Nguyên tắc đất thống trị biển.
- C. Nguyên tắc sử dụng biển cả vì các mục đích hòa bình.
- D. Nguyên tắc bảo vệ môi trường biển.

ANSWER: A

Vùng trời trên lãnh hải là

- A. Lãnh thổ quốc gia
- B. Lãnh thổ quốc tế
- C. Lãnh thổ quốc gia được sử dụng quốc tế
- D. Lãnh thổ có qui chế đặc biệt

ANSWER: A

“Nguyên tắc tự do biển cả” là nguyên tắc bao trùm toàn bộ chế độ pháp lý của:

- A. Vùng biển cả
- B. Lãnh hải
- C. Đặc quyền kinh tế
- D. Tiếp giáp lãnh hải

ANSWER: A

Việc khai thác sản lượng cá dư thừa áp dụng ở vùng:

- A. Vùng đặc quyền kinh tế
- B. Lãnh hải
- C. Vùng tiếp giáp lãnh hải
- D. Vùng biển quốc tế

ANSWER: A

Tòa án quốc tế về luật biển có thành phần gồm

- A. 21 thẩm phán chuyên trách
- B. 15 thẩm phán chuyên trách
- C. 23 thẩm phán chuyên trách
- D. 17 thẩm phán chuyên trách

ANSWER: A

Chiều rộng của nội thủy thì:

- A. Do quốc gia ven biển ấn định dựa trên việc xác định đường cơ sở phù hợp với công ước 1982 về luật biển
- B. Tối đa là 6 hải lý
- C. Do các nước hữu quan thỏa thuận qui định
- D. Do ủy ban ranh giới phía ngoài của thềm lục địa qui định

ANSWER: A

Vùng tiếp giáp lãnh hải là vùng biển

- A. Có chiều rộng tối đa là 24 hải lý kể từ đường cơ sở được xác định phù hợp với công ước 1982 về luật biển
- B. Nằm ngoài nội thủy và tiếp liền với nội thủy
- C. Là một bộ phận độc lập về địa lý với vùng đặc quyền kinh tế
- D. Quốc gia ven biển có chủ quyền hoàn toàn và đầy đủ

ANSWER: A

Tàu thuyền nước ngoài muốn vào nội thủy của quốc gia ven biển đều phải:

- A. Xin phép trước và được phép mới được vào trừ khi gặp bão lụt hoặc máy hỏng
- B. Xin phép trước trong mọi trường hợp và được phép mới được vào
- C. Không cần phải xin phép nếu các nước hữu quan là thành viên công ước 1982

D. Phải thông báo trước cho nước ven biển ít nhất 12 giờ

ANSWER: A

Vùng tiếp giáp lãnh hải tồn tại:

A. 2 chế độ pháp lý

B. 1 chế độ pháp lý

C. 3 chế độ pháp lý

D. 4 chế độ pháp lý

ANSWER: A

Ranh giới phía trong của vùng tiếp giáp lãnh hải và vùng đặc quyền kinh tế là:

A. Ranh giới phía ngoài của lãnh hải.

B. Ranh giới phía ngoài của lãnh hải (đối với vùng tiếp giáp lãnh hải) và ranh giới phía ngoài của vùng tiếp giáp lãnh hải (đối với vùng đặc quyền kinh tế)

C. Chính là đường cơ sở

D. Là đường song song với đường cơ sở và cách đường cơ sở một khoảng cách tối đa là 24 hải lý.

ANSWER: A

Ranh giới phía ngoài của vùng tiếp giáp lãnh hải là

A. Đường song song với đường cơ sở và cách đường cơ sở tối đa là 24 hải lý

B. Đường song song với đường cơ sở và cách đường cơ sở tối đa là 12 hải lý

C. Đường song song với ranh giới phía ngoài của lãnh hải và cách đường này 12 hải lý

D. Là đường song song với ranh giới phía ngoài của lãnh hải và cách đường này 24 hải lý

ANSWER: A

Tàu quân sự nước ngoài vi phạm pháp luật của quốc gia ven biển ở vùng nội thủy thì quốc gia ven biển có quyền

A. Buộc tàu đó rời khỏi nội thủy, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của quốc gia mà tàu mang cờ trừng trị các hành vi vi phạm và chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại do con tàu đó gây ra

B. Buộc tàu đó rời khỏi nội thủy của quốc gia ven biển

C. Yêu cầu đàm phán để giải quyết

D. Yêu cầu bồi thường thiệt hại

ANSWER: A

Trình tự, thủ tục xin phép vào vùng nội thủy của quốc gia ven biển đối với tàu thuyền nước ngoài do:

A. Từng quốc gia ven bờ quy định

B. Công ước 1982 về luật biển quy định

C. Do các nước hữu quan thỏa thuận quy định

D. Do Luật hàng hải quốc tế quy định

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (2 + 1đ/câu)

Anh/chị hãy cho biết các khẳng định sau đây đúng hay sai? Giải thích tại sao?

1. Ranh giới phía trong của vùng đặc quyền kinh tế chính là đường cơ sở. (1 điểm)

2. Ranh giới phía trong của thềm lục địa chính là ranh giới phía ngoài của lãnh hải (1 điểm)

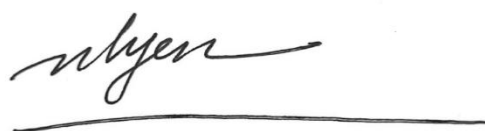
ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		8.0	
Câu 1 - 32	A	0.25/1 câu	Nhờ Phòng khảo thí trộn câu hỏi và đáp án
II. Tự luận		2.0	
Câu 1	Ranh giới phía trong của vùng đặc quyền kinh tế chính là đường cơ sở. Nhận định này là sai Ranh giới phía trong của vùng đặc quyền kinh tế là ranh giới phía ngoài của lãnh hải. Cơ sở pháp lý: Điều 55 của công ước 1982 về luật biển (trích dẫn)	(0.25 điểm) (0.5 điểm) (0.25 điểm)	
Câu 2	2. Ranh giới phía trong của thềm lục địa chính là ranh giới phía ngoài của lãnh hải Nhận định này là Đúng Cơ sở pháp lý: Điều 76 khoản 1 công ước 1982 về Luật Biển (trích dẫn)	(0.25 điểm) (0.75 điểm)	
Điểm tổng		10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2025

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề



Đoàn Kim Vân Quỳnh

Nguyễn Thị Yên